

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DSST

Ngày: 22/5/2024.

“V/v: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa bà Nguyễn Thị Nga;
Các Hội thẩm nhân dân bà Tô Thị Lành và ông Nguyễn Bá Lý;
- Thư ký phiên tòa bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa bà Đinh Thị Hoài Phương.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-DS ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: B H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982. Địa chỉ 49 Nay Đ, tổ A, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo giấy uỷ quyền số công chứng 98, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 12/01/2024).

Bị đơn ông Đặng Anh T1. Địa chỉ: B T, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án bà Nguyễn Thanh T người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Anh T1 là người quen biết với nhau. Ngày 28/01/2022, ông T1 có vay của bà Hằng số tiền 15.000.000 đồng, hai bên có thoả thuận lãi suất vay nhưng không thoả thuận cụ thể là bao nhiêu %/tháng. Về thời hạn vay hai bên thoả thuận miệng với nhau khi nào bà H yêu cầu thì ông T1 sẽ trả lại tiền vay. Ông T1 có viết và ký vào giấy mượn tiền giao cho bà H giữ để làm căn cứ. Từ khi ông T1 vay tiền cho đến khi bà H khởi kiện vụ án thì ông T1 vẫn chưa trả khoản tiền lãi suất cho bà H. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả tiền vay gốc và lãi cho bà H nhưng ông T1 chỉ hứa hẹn chứ không trả nợ.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đặng Anh T1 phải trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi suất với mức 10%/năm tính từ ngày 28/01/2022 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm (22/5/2024), tính tròn là 27 tháng x 15.000.000đồng = 3.361.500đồng, tổng cộng gốc và lãi suất buộc ông T1 phải trả cho bà H là 18.361.500đồng.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn ông Đặng Anh T1 trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, xác định bị đơn cư trú tại: B T, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nhưng ông T1 làm nghề lái xe Taxi không thường xuyên có mặt tại địa chỉ trên nên không thể tổng đạt các văn bản trực tiếp cho ông T1. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông T1 không đến Toà án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thực hiện đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng Anh T1 phải trả tổng số tiền gốc và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: 18.361.500đồng (*Bằng chữ: Mười tám triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm đồng*). Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn ông **Đặng Anh T1** có nơi cư trú tại **thành phố P**, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” là đúng theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Tòa án ra bản án, các bên đương sự không đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 01(Một) giấy mượn tiền (Bản gốc, bút lục số 38), nội dung giấy mượn tiền thể hiện ngày 28 tháng 1 năm 2022 ông **Đặng Anh T1** có mượn bà **Nguyễn Thị Hằng S** tiền được viết bằng chữ Mười lăm triệu đồng, (*Theo lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền giấy mượn tiền do ông **Đặng Anh T1** là người trực tiếp viết nội dung và ký ghi rõ họ tên người mượn tiền*).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc: 15.000.000đồng và tiền lãi suất chậm trả là: $0,83\% \times 27 \text{ tháng} \times 15.000.000\text{đ} = 3.361.500\text{đồng}$. Việc ký kết vay mượn tiền giữa bà **H** với ông **T1** là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, ông **T1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm cam kết giữa hai bên. Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Đặng Anh T1** phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 18.361.500 đồng (trong đó tiền gốc: 15.000.000 đồng, tiền lãi suất chậm trả là 3.361.500 đồng).

Đối với bị đơn ông **Đặng Anh T1** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông **T1** không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản hồi bằng văn bản để gửi đến Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 918.075đ (*Bằng chữ: Chín trăm mười tám nghìn, không trăm bảy lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

Áp dụng các Điều 280, 463, 468 của Bộ luật dân sự 2015; **Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[2]. Buộc bị đơn ông Đặng Anh T1 phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng số tiền: 18.361.500 đồng (*Bằng chữ: Mười tám triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm đồng*), trong đó tiền gốc: 15.000.000 đồng, tiền lãi suất chậm trả là 3.361.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí:

Buộc bị đơn ông Đặng Anh T1 phải nộp số tiền: 918.075đ (*Bằng chữ: Chín trăm mười tám nghìn, không trăm bảy lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 445.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001122 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai.

[4]. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

[5]. Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

*TAND tỉnh Gia Lai
VKSND TP.Pleiku;
Chi cục THADS Tp.Pleiku;
Các đương sự;
Lưu VP, HSVA.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**

